TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/DS-ST
Ngày: 27-6-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Chiếm
Bà Lê Thị Kim Uyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tân An tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thụ lý số 104/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Thanh D, sinh năm: 1997
Địa chỉ: Ấp D xã M huyện T tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Lê Cẩm T, sinh năm: 1987
Địa chỉ : H Ấp C xã B thành phố T tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 01 năm 2024 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Võ Thanh D trình bày: Năm 2020, ông có cho bà Lê Cẩm T vay 400.000.000 đồng. Sau đó, bà T đã trả cho ông được 220.000.000 đồng, còn nợ lại ông 180.000.000 đồng. Sau nhiều lần đòi nợ, bà T không trả nên ông đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã B hòa giải. Tại phiên hòa giải đó, bà T chỉ thừa nhận còn nợ ông 90.000.000 đồng và hứa sẽ trả ông trong hai tháng. Tuy nhiên, do bà T không nói đúng sự thật về số tiền nợ nên ông không đồng ý và do đó cuộc hòa giải không thành. Vì vậy, ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà T và ông P, chồng của bà T liên đới trả cho ông 180.000.000 đồng.

Song, do ông không tìm được chứng cứ chứng minh số tiền mà bà T còn nợ ông là 180.000.000 đồng, cũng như không có chứng cứ chứng minh được việc ông P có biết và cùng sử dụng số tiền vay nên ông chỉ yêu cầu bà Lê Cẩm T trả cho ông số tiền mà bà T thừa nhận còn nợ ông là 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và ông rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lương Thanh P1.

Bà Lê Cẩm T và ông Lương Thanh P1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa ông Võ Thanh D và bà Lê Cẩm T đã xác lập hợp đồng vay tài sản. Trong quá trình thực hiện giao dịch, do bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên ông Võ Thanh D khởi kiện. Theo quy định tại Điều 26, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An tỉnh Long An thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Lê Cẩm T và ông Lương Thanh P1 không tham gia tố tụng. Do đó ngày 24 tháng 5 năm 2024, Tòa án đã lập biên bản về không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và biên bản không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân thành phố Tân An đưa vụ án ra xét xử theo quy định; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Võ Thanh D đã rút đơn khởi kiện đối với ông Lương Thanh P1 nên Tòa án đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu này. Đồng thời, ông D xác định chỉ yêu cầu bà Lê Cẩm T trả cho ông 90.000.000 đồng nên phạm vi khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn Lê Cẩm T trả cho nguyên đơn 90.000.000 đồng.

[4] Bà Lê Cẩm T không tham gia tố tụng. Tuy nhiên, căn cứ vào "Biên bản hòa giải về việc mượn tiền" ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã B, có căn cứ để xác định, bà Lê Cẩm T và ông Võ Thanh D có xác lập hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng vay được xác lập giữa ông D và bà T là hợp đồng vay có lãi, không kỳ hạn. Song, không xác định được mức lãi suất. Về số tiền nợ, do ông D và bà T không thống nhất được và ông D không có chứng cứ chứng minh số tiền bà T nợ ông là 180.000.000 đồng, nên việc ông D chỉ yêu cầu bà T trả cho ông 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là phù hợp với lời trình bày của bà T tại phiên hòa giải ngày 01 tháng 12 năm 2023 và không trái pháp luật nên có cơ sở để xác định bà Lê Cẩm T phải trả cho ông Võ Thanh D 90.000.000 đồng. Ông D yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B giải quyết yêu cầu của ông là thể hiện việc đòi nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Bà Lê Cẩm T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông D số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng theo quy định tại Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Bà Lê Cẩm T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: 90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000 đồng. Ông Võ Thanh D không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357 Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 272 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Lương Thanh P1 liên đới trả nợ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thanh D.

Buộc bà Lê Cẩm T phải trả cho ông Võ Thanh D 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

Về án phí: Bà Lê Cẩm T phải chịu án phí sơ thẩm là 4.500.000 đồng. Ông Võ Thanh D không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Võ Thanh D 4.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông D đã nộp (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001508 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An tỉnh Long An).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Võ Thanh D, bị đơn Lê Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
-Chi cục thi hành án dân sự
-Các đương sự
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Thảo